

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung;
thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Lâm nghiệp, lĩnh vực Quản lý xây
dựng công trình thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát
triển nông thôn tỉnh Hòa Bình**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 06/8/2010 của Chính phủ về kiểm soát các thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2481/QĐ-BNN-VP ngày 03/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Nông nghiệp, Quản lý xây dựng công trình, Trồng trọt thuộc phạm vi chức năng quản lý; Quyết định số 1766/QĐ-BNN-TCLN ngày 26/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ trong lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Quyết định số 4044/QĐ-BNN-TCLN ngày 14/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 379/TTr-SNN ngày 07/6/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi (01 thủ tục cấp tỉnh) lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Điều 2. Bãi bỏ (03 thủ tục hành chính cấp tỉnh) lĩnh vực Quản lý xây dựng

công trình thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố tại Quyết định số 381/QĐ-UBND ngày 28/02/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Phụ lục Danh mục và nội dung cụ thể của thủ tục hành chính tại Quyết định này được công khai trên Cơ sở dữ liệu Quốc gia về thủ tục hành chính tại địa chỉ “csdl.dichvucong.gov.vn”; Cổng Dịch vụ công của tỉnh (địa chỉ: dichvucong.hoabinh.gov.vn); Trang Thông tin điện tử của Văn phòng UBND tỉnh (địa chỉ: <http://vpubnd.hoabinh.gov.vn>); Trang Thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (<http://sonongnghiep.hoabinh.gov.vn/>)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này được thực hiện tiếp nhận, trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh theo quy định.

- Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

+ Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan liên quan, căn cứ thủ tục hành chính tại Quyết định này rà soát, xây dựng quy trình nội bộ giải quyết TTHC trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt theo quy định.

+ Chủ trì phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và cơ quan có liên quan đăng tải đầy đủ nội dung cụ thể của từng thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh, Trang Thông tin điện tử của Sở, ngành liên quan và niêm yết, công khai thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC-VPCP;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh VP, Phó CVP/UBND tỉnh;
- Trung tâm TH&CB tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT (Ng.03b)

CHỦ TỊCH



Bùi Văn Khánh

Phụ lục
DANH MỤC TTHC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BỊ BỎ LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP, QUẢN LÝ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH HÒA BÌNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1211 /QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình)

Phần I. DANH MỤC TTHC

A. DANH MỤC TTHC ĐƯỢC SỬA ĐỔI

Sửa đổi 01 TTHC cấp tỉnh, số thứ tự 01, Mục I, phần I, lĩnh vực Lâm nghiệp được công bố tại Quyết định số 894/QĐ-UBND ngày 29/4/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

| STT | Tên thủ tục hành chính/Mã TTHC | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Căn cứ pháp lý | Lĩnh vực | Cơ quan thực hiện |
|-----|---|--|--|--|------------|-------------------|
| 1 | Phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ 3.000160.000.00.00.H28 | - Trường hợp không phải xác minh: 01 ngày làm việc. - Trường hợp phải xác minh: 04 ngày làm việc; 13 ngày làm việc đối với trường hợp nghi ngờ cần kiểm tra xác minh. | Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh | - Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ Quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam; - Quyết định số: 4044/QĐ-BNN-TCLN ngày 14/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; | Lâm nghiệp | Chi cục Kiểm lâm |

B. DANH MỤC TTHC BỊ BỎ *(Bãi bỏ 03 TTHC cấp tỉnh công bố tại Quyết định số 381/QĐ-UBND ngày 28/02/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình).*

| STT | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính | Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC hoặc lý do bãi bỏ | Lĩnh vực | Cơ quan thực hiện |
|---------------------------------------|------------------------|--------------------------------------|---|------------------|--|
| A. Thủ tục hành chính cấp tỉnh | | | | | |
| 1 | 2.002159.000.00.00.H28 | Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu | Thông tư 19/2020/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông | Quản lý chất xây | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |

| | | | | | |
|-----------------------------------|------------------------|---|--|--|--|
| | | | nghiệp và Phát triển nông thôn về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành, liên tịch ban hành; - Quyết định số: 2481/QĐ-BNN-VP ngày 03/6/2021 của của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Nông nghiệp, Quản lý xây dựng công trình, Trồng trọt thuộc phạm vi chức năng quản lý. | dựng công trình | |
| B. Thủ tục hành chính khác | | | | | |
| 1 | 1.005302.000.00.00.H28 | Phê duyệt hồ sơ yêu cầu, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu | - Thông tư 19/2020/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2020 của của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành, liên tịch ban hành; - Quyết định số: 2481/QĐ-BNN-VP ngày 03/6/2021 của của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Nông nghiệp, Quản lý xây dựng công trình, Trồng trọt thuộc phạm vi chức năng quản lý. | | |
| 2 | 1.002330.000.00.00.H28 | Phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ đề xuất, hồ sơ dự thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu | | Quản lý chất lượng xây dựng công trình | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

Phần II.

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ

1.1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Doanh nghiệp đăng ký vào Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp hoặc nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh, số 485 đường Trần Hưng Đạo, phường Phương Lâm, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

- Bước 2: Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và viết phiếu hẹn trả kết quả:

+ Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra thành phần hồ sơ và trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ cho doanh nghiệp.

+ Trường hợp nộp qua môi trường điện tử: Thành phần hồ sơ phải được kê khai và ký chữ ký số trên các biểu mẫu điện tử được cung cấp sẵn theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 9 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin kê khai, Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp tự động phân loại doanh nghiệp.

+ Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua bưu điện: Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận nhập thông tin vào Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp.

- Bước 3: Thẩm định

Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin kê khai của doanh nghiệp, Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp của cơ quan tiếp nhận căn cứ các tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam (Sau đây gọi tắt là Nghị định 102/2020/NĐ-CP) để tự động phân loại doanh nghiệp Nhóm I.

Trường hợp có nghi ngờ những thông tin do doanh nghiệp tự kê khai, cần xác minh làm rõ; trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả phân loại của Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp, cơ quan tiếp nhận thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp đăng ký phân loại, trong đó nêu rõ thời gian, nội dung cần xác minh. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thông báo, cơ quan tiếp nhận phối hợp với cơ quan có liên quan tổ chức xác minh làm rõ tính chính xác của thông tin tự kê khai của doanh nghiệp và thông báo kết quả xác minh cho doanh nghiệp đó biết;

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày doanh nghiệp được Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp tự động phân loại là doanh nghiệp Nhóm I hoặc kể từ ngày kết thúc xác minh thông tin kê khai theo quy định; nếu đáp ứng đầy đủ các tiêu chí theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định 102/2020/NĐ-CP, cơ

quan tiếp nhận xếp loại doanh nghiệp đó vào doanh nghiệp Nhóm I trên Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp;

Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày xếp loại doanh nghiệp Nhóm I theo quy định tại điểm c khoản này, cơ quan tiếp nhận thông báo kết quả phân loại cho doanh nghiệp đăng ký phân loại. Trường hợp doanh nghiệp không đáp ứng đầy đủ các tiêu chí là doanh nghiệp Nhóm I, cơ quan tiếp nhận thông báo, nêu rõ lý do cho doanh nghiệp biết.

- Bước 4: Trả kết quả theo phiếu hẹn.

2.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua môi trường điện tử hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua bưu điện.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ:

- Bản chính Bảng kê khai phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ.

b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp không phải xác minh: 01 ngày làm việc.

- Trường hợp phải xác minh: 04 ngày làm việc; 13 ngày làm việc đối với trường hợp nghi ngờ cần kiểm tra xác minh.

2.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật, có ngành nghề chế biến và xuất khẩu gỗ.

2.6. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Kiểm lâm.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Kiểm lâm.

2.7. Kết quả thực hiện TTHC: Phân loại doanh nghiệp trên Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp.

2.8. Phí, lệ phí: Không

2.9. Tên mẫu đơn, tờ khai:

Bảng kê khai phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ (*Mẫu số 08 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ Quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam*).

2.10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không

2.11. Căn cứ pháp lý của TTHC

- Chương III Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam.

- Quyết định số: 4044/QĐ-BNN-TCLN ngày 14/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Quyết định số 1766/QĐ-BNN-TCLN ngày 26/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ trong lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Mẫu số 08. Bảng kê khai phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ

**BẢNG KÊ KHAI PHÂN LOẠI
DOANH NGHIỆP CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU GỖ**

| STT | Nội dung kê khai | Tự đánh giá | |
|----------|--|-------------|-------|
| | | Có | Không |
| I | TUÂN THỦ QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TRONG VIỆC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP | | |
| 1 | Tuân thủ quy định của pháp luật về thành lập doanh nghiệp phải có các loại tài liệu sau: | | |
| a | Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp không có vốn đầu tư nước ngoài) | | |
| b | Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoặc có yếu tố nước ngoài chiếm 51% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp hoạt động trong khu công nghiệp, khu chế xuất | | |
| 2 | Tuân thủ quy định của pháp luật về môi trường phải có một trong các loại tài liệu sau: | | |
| a | Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với cơ sở chế biến gỗ, dầm gỗ từ gỗ rừng tự nhiên có công suất từ 5.000m ³ sản phẩm/năm trở lên | | |
| b | Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với cơ sở sản xuất ván ép có công suất từ 100.000 m ² sản phẩm/năm trở lên | | |
| c | Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với cơ sở sản xuất đồ gỗ có tổng diện tích kho bãi, nhà xưởng từ 10.000m ² trở lên | | |
| d | Có kế hoạch bảo vệ môi trường đối với các cơ sở sản xuất có công suất hay diện tích nhỏ hơn công suất hoặc diện tích của các cơ sở sản xuất quy định tại các điểm a, b, c nêu trên | | |
| 3 | Tuân thủ quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy phải có tài liệu sau: | | |
| | Phương án phòng cháy, chữa cháy theo quy định pháp luật | | |
| 4 | Tuân thủ quy định của pháp luật về theo dõi nhập, xuất lâm sản phải có tài liệu sau: | | |

| | | | |
|-----------|---|--|--|
| | Sổ theo dõi nhập, xuất lâm sản được ghi chép đầy đủ theo đúng quy định pháp luật | | |
| 5 | Tuân thủ quy định của pháp luật về thuế, lao động phải bảo đảm các tiêu chí sau: | | |
| a | Không có tên trong danh sách công khai thông tin tổ chức, cá nhân kinh doanh có dấu hiệu vi phạm pháp luật về thuế | | |
| b | Có kế hoạch vệ sinh an toàn lao động theo quy định của pháp luật | | |
| c | Người lao động có tên trong danh sách bảng lương của doanh nghiệp | | |
| d | Niên yết công khai thông tin về đóng bảo hiểm xã hội và y tế đối với người lao động theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội | | |
| đ | Người lao động là thành viên tổ chức Công đoàn của doanh nghiệp | | |
| II | TUÂN THỦ QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ NGUỒN GỐC GỠ HỢP PHÁP | | |
| 1 | Tuân thủ quy định của pháp luật về hồ sơ khai thác gỗ đối với doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ trực tiếp khai thác gỗ làm nguyên liệu chế biến | | |
| a | Chấp hành quy định về trình tự, thủ tục khai thác gỗ | | |
| b | Bảng kê gỗ theo quy định của pháp luật | | |
| c | Bản sao hồ sơ nguồn gốc gỗ khai thác | | |
| 2 | Tuân thủ quy định của pháp luật về hồ sơ gỗ sau xử lý tịch thu đối với doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ sử dụng gỗ sau tịch thu làm nguyên liệu chế biến | | |
| a | Bảng kê gỗ theo quy định của pháp luật | | |
| b | Bản sao hồ sơ gỗ sau xử lý tịch thu | | |
| 3 | Tuân thủ quy định của pháp luật về hồ sơ gỗ nhập khẩu đối với doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ sử dụng gỗ nhập khẩu làm nguyên liệu chế biến | | |
| a | Bảng kê gỗ theo quy định của pháp luật | | |
| b | Bản sao hồ sơ gỗ nhập khẩu | | |
| 4 | Tuân thủ quy định của pháp luật về hồ sơ trong quá trình mua bán, vận chuyển; chế biến | | |
| a | Bảng kê gỗ theo quy định của pháp luật | | |

| | | | |
|---|--|--|--|
| b | Bản sao hồ sơ nguồn gốc gỗ | | |
| 5 | Tuân thủ quy định của pháp luật về hồ sơ gỗ đối với doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu sử dụng gỗ nguyên liệu do doanh nghiệp tự trồng trên đất của doanh nghiệp | | |
| a | Tuân thủ với các quy định pháp luật về quyền sử dụng đất và quyền sử dụng rừng | | |
| b | Bản sao hồ sơ gỗ khai thác theo quy định của pháp luật | | |

....., ngày tháng... năm ...
DOANH NGHIỆP KÊ KHAI
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Trường hợp tự kê khai bằng bảng giấy thì doanh nghiệp kê khai phải thực hiện nội dung này.